

Số: 1053 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH KHÁNH HÒA**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn, chuyên môn nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNNPTNT ngày 12/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-TTCT ngày 01/11/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;

Căn cứ Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm và Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1291/TTr-SNN ngày 18/3/2024 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1291/QĐ/SNV-TCBC-CCVC ngày 08/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa như sau:

1. Vị trí việc làm gồm 04 nhóm với 85 vị trí việc làm, trong đó:
 - Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 18 vị trí;
 - Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 31 vị trí;
 - Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 32 vị trí;
 - Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 04 vị trí.

(Chi tiết cụ thể theo Phụ lục đính kèm)

2. Cơ cấu ngạch công chức (không bao gồm công chức lãnh đạo, quản lý), gồm:

- a) Ngạch Chuyên viên chính và tương đương: không quá 40%;
- b) Ngạch Chuyên viên và tương đương: không quá 60%.

Trong trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ ở mỗi ngạch công chức thì số còn thiếu được cộng vào ngạch thấp hơn liền kề và có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định. Trường hợp số lượng thực tế hiện có vượt tỷ lệ nêu trên thì tạm thời không tổ chức thi, xét nâng ngạch lên ngạch công chức đã vượt quá tỷ lệ.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Căn cứ vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và biên chế được giao hàng năm để làm cơ sở thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và lao động hợp đồng, xây dựng Bản mô tả công việc, khung năng lực, ngạch công chức đối với từng vị trí việc làm theo đúng quy định hiện hành;

2. Phân bổ, bố trí biên chế theo vị trí việc làm chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, đảm bảo nằm trong số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời đảm bảo thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình quy định;

3. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức hàng năm để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với công chức, người lao động của Sở theo đúng tiến độ và đảm bảo yêu cầu;

4. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch đối với các vị trí việc làm để đảm bảo tiêu chuẩn trình độ theo quy định của pháp luật và cơ cấu ngạch đã được phê duyệt;

5. Thường xuyên rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- HĐND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, SNV. 6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

PHỤ LỤC
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Quyết định số/053/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý
1	Giám đốc Sở
2	Phó Giám đốc Sở
3	Chi cục trưởng
4	Phó Chi cục trưởng
5	Trưởng phòng thuộc Sở
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở
7	Chánh Văn phòng
8	Chánh Thanh tra
9	Phó Chánh Văn phòng
10	Phó Chánh Thanh tra
11	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục
12	Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục
13	Hạt trưởng thuộc Chi cục
14	Phó Hạt trưởng thuộc Chi cục
15	Đội trưởng thuộc Chi cục
16	Phó Đội trưởng thuộc Chi cục
17	Trạm trưởng và tương đương thuộc Chi cục
18	Phó Trạm trưởng và tương đương thuộc Chi cục
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành

STT	Tên vị trí việc làm
1	Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt
2	Chuyên viên về quản lý trồng trọt
3	Chuyên viên chính về bảo vệ thực vật
4	Chuyên viên về bảo vệ thực vật
5	Chuyên viên chính về quản lý chăn nuôi
6	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi
7	Chuyên viên chính về quản lý thú y
8	Chuyên viên về quản lý thú y
9	Chuyên viên chính về quản lý lâm nghiệp
10	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp
11	Kiểm lâm viên chính
12	Kiểm lâm viên
13	Kiểm lâm viên trung cấp
14	Chuyên viên chính về quản lý thủy sản
15	Chuyên viên về quản lý thủy sản
16	Kiểm ngư viên chính
17	Kiểm ngư viên
18	Thuyền trưởng tàu kiểm ngư
19	Thuyền phó tàu kiểm ngư
20	Máy trưởng tàu kiểm ngư
21	Máy phó tàu kiểm ngư
22	Thủy thủ trưởng và thông tin liên lạc tàu kiểm ngư
23	Thợ điện tàu kiểm ngư



STT	Tên vị trí việc làm
24	Chuyên viên chính về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn
25	Chuyên viên về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn
26	Chuyên viên chính về quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai
27	Chuyên viên về quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai
28	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường
29	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường
30	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn
31	Chuyên viên về phát triển nông thôn
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra
3	Chuyên viên về pháp chế
4	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy
5	Chuyên viên về tổ chức bộ máy
6	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực
7	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực
8	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng
9	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng
10	Chuyên viên chính về cải cách hành chính
11	Chuyên viên về cải cách hành chính
12	Chuyên viên chính về tổng hợp
13	Chuyên viên về tổng hợp

STT	Tên vị trí việc làm
14	Chuyên viên về hành chính - văn phòng
15	Cán sự về hành chính - văn phòng
16	Chuyên viên về quản trị công sở
17	Văn thư viên
18	Văn thư viên trung cấp
19	Chuyên viên về lưu trữ
20	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)
21	Kế toán viên chính
22	Kế toán viên
23	Kế toán viên trung cấp
24	Cán sự thủ quỹ
25	Chuyên viên chính về tài chính
26	Chuyên viên về tài chính
27	Chuyên viên chính về Kế hoạch đầu tư
28	Chuyên viên về Kế hoạch đầu tư
29	Chuyên viên chính về quản lý công nghệ thông tin
30	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin
31	Chuyên viên chính về công tác thanh tra
32	Chuyên viên về công tác thanh tra
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ
1	Nhân viên Phục vụ
2	Nhân viên Bảo vệ
3	Nhân viên Lái xe

STT	Tên vị trí việc làm
4	Nhân viên kỹ thuật
Tổng	85 vị trí việc làm./.